**Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia**

**Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Đường Lê Thái Tổ, phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình).

**b) Giải quyết TTHC:**

- Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, cán bộ tiếp nhận cập nhật thông tin vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Tổng cục Đường bộ Việt Nam. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định và xác nhận vào hợp đồng đối tác của đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp không cấp, Sở Giao thông vận tải thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Đường Lê Thái Tổ, phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình) hoặc qua đường bưu chính hoặc hình thức trực tuyến theo quy định.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính.

**Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu;

- Hợp đồng đối tác giữa đơn vị kinh doanh vận tải Việt Nam với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

**Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

**Phí, lệ phí:** Không có.

**Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:**

- Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có

**Căn cứ pháp lý của TTHC:**

**-** Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

**Mẫu Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH**  **VẬN TẢI** \_\_\_\_\_\_\_\_  Số:..../.... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *......, ngày ... tháng ... năm ...* |

**GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN, BỔ SUNG, THAY THẾ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải ...........

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại: .................. số Fax:

4. Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia như sau:

Tỉnh/thành phố đi: Tỉnh/thành phố đến:

Bến đi: Bến đến:

Cự ly vận chuyển: .............. km

Hành trình chạy xe:

5. Danh sách xe khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Biên kiểm soát** | **Tên chủ sở hữu** | **Mác xe** | **Trọng tải** | **Năm sản xuất** |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

6. Doanh nghiệp, hợp tác xã cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách cố định;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định, ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

**Thủ trưởng đơn vị**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH**  **VẬN TẢI** \_\_\_\_\_\_\_\_ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**1. Đặc điểm tuyến**

Tên Tuyến: ................ đi ................. và ngược lại.

Bến đi:

Bến đến:

Cự ly vận chuyển: .............. km.

Lộ trình:

**2. Biểu đồ chạy xe**

Số chuyến tài (nốt) trong .... ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:

Hàng ngày có ............. nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc ........... giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc ........... giờ.

+

b) Tại bến lượt về: bến xe:

Hàng ngày có ............. nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc ........... giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc ........... giờ.

+

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe .... giờ.

d) Tốc độ lữ hành: .............. km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường: ........... phút.

**3. Các điểm dừng nghỉ trên đường**

a) Lượt đi từ Bến xe: ............................................... đến Bến xe: ................

*(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).*

- Điểm dừng thứ nhất:

- Điểm dừng thứ hai:

- Điểm dừng thứ ba:

b) Lượt về từ Bến xe đến Bến xe:

*(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến Quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).*

- Điểm dừng thứ nhất:

- Điểm dừng thứ hai:

- Điểm dừng thứ ba:

c) Thời gian dừng, nghỉ từ ........... đến ........... phút/điểm.

**4. Phương tiện bố trí trên tuyến**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Biển số xe** | **Trọng tải (Ghế)** | **Năm sản xuất** | **Nhãn hiệu** | **Ghi chú** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |

**5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe**

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.

- Có đủ điều kiện về sức khoẻ, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.

- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên.

-

-

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

-

**6. Các dịch vụ khác**

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:

**7. Giá vé**

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến: ................. đồng/hành khách.

- Giá vé chặng (nếu có): ................. đồng/hành khách.

|  |  |
| --- | --- |
| **Giá vé** | **đồng/hành khách** |
| Trong đó:  - Giá vé (\*) | đồng/hành khách |
| - Chi phí các bữa ăn chính | đồng/hành khách |
| - Chi phí các bữa ăn phụ | đồng/hành khách |
| - Phục vụ khác: khăn, nước ... | đồng/hành khách |

(\*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:

- Bán vé tại đại lý: ................................ (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).

- Bán vé qua mạng:

(địa chỉ trang web).

**Thủ trưởng đơn vị**

*(Ký tên, đóng dấu)*